

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN
HỌC BỔNG HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2010-2011 - KHOA
TOÁN-TIN HỌC

(Danh sách kèm theo Quyết định số
1690/QĐ-ĐHSP ngày 13.10.2011)

ST T	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Điểm BH	Xếp loại học tập	Mức độ ưu tiên	Số tiền
1	K36.101.001	Nguyễn Văn Thị Hà	14.03.1992	3483	30	150	0.000.000
2	K36.101.002	Nguyễn Văn Anh	13.03.1992	3558	30	150	0.000.000
3	K36.101.006	Trần Văn Bình	16.03.1981	1172	24	120	0.000.000
4	K36.101.008	Nguyễn Văn Thành	06.03.1992	3783	30	150	0.000.000
5	K36.101.016	Phạm Văn Hồn	20.03.1992	1692	24	120	0.000.000
6	K36.101.018	La Duy Hòa	17.03.1992	4786	30	150	0.000.000
7	K36.101.019	Nguyễn Văn Trùng	20.03.1992	0582	24	120	0.000.000
8	K36.101.022	Dương Văn Hồn	26.03.1992	0890	24	120	0.000.000
9	K36.101.036	Trần Văn Khánh	16.03.1992	5383	30	150	0.000.000

		h			
10	K36	NguMin	10. 3.1682	24	120
		.101yễn h	01.		0.0 0.00
		.042Thị	92		00 0
11	K36	NguMy	17. 3.2981	30	150
		.101yễn	11.		0.0 0.00
		.043Thị	91		00 0
		Huy			
		ền			
12	K36	NguNga	30. 3.1882	24	120
		.101yễn	01.		0.0 0.00
		.047Tha	92		00 0
		nh			
13	K36	Huỳnh	24. 3.3493	30	150
		.101nh ng	03.		0.0 0.00
		.053Thị	91		00 0
		Hồn			
		g			
14	K36	NguĐan	29. 3.0590	24	120
		.101yễn	05.		0.0 0.00
		.046Ngọ	92		00 0
		c			
15	K36	Phạ Phư	13. 3.1182	24	120
		.101m óc	12.		0.0 0.00
		.065Hữu	92		00 0
16	K36	Vũ Quâ	11. 3.2982	30	150
		.101Đôn	10.		0.0 0.00
		.069g	92		00 0
17	K36	Trịn	10. 3.0582	24	120
		.101h T	11.		0.0 0.00
		.077han	92		00 0
		h			
18	K36	Lê Thà	19. 3.1382	24	120
		.101Phư nh	06.		0.0 0.00
		.082óc	92		00 0
19	K36	Trư Tiề	27. 3.1198	24	120
		.101ơng n	08.		0.0 0.00
		.097Thị	92		00 0
		Ki			
		m			
20	K36	Võ Tiê	17. 3.1688	24	120
		.101Trầ n	12.		0.0 0.00
		.098n T	92		00 0
		hủy			
21	K36	Trầ Tuy	01. 3.4283	30	150
		.101n Đ ền	04.		0.0 0.00
		.113ặg	92		00 0
		Tha			
		nh			
22	K36	Đặn Vin	24. 3.0585	24	120

	.101g Q h	05.	0.0	0.00
	.116uan	92	00	0
	g			
23	K36Đỗ Yến	02.3.4583	30	150
	.101Ngọ	04.	0.0	0.00
	.122c	92	00	0
24	K35Trà Anh	14.7.8396	24	120
	.101n	04.	0.0	0.00
	.003Thị	91	00	0
	Ki			
	m			
25	K35Huỳnh Dũn	11.7.5798	24	120
	.101nh g	08.	0.0	0.00
	.019Ki	91	00	0
	m			
26	K35Đoàn Hùn	26.7.1785	24	120
	.101n T g	01.	0.0	0.00
	.036han	90	00	0
	h			
27	K35Bùi Mai	22.7.7396	24	120
	.101Thị	05.	0.0	0.00
	.051Tha	91	00	0
	nh			
28	K35NguNga	23.7.2 88	24	120
	.101yễn	10.	0.0	0.00
	.060Thị	91	00	0
	Thu			
29	K35NguNga	14.7.1 90	24	120
	.101yễn	03.	0.0	0.00
	.061Thị	91	00	0
	Ngọ			
	c			
30	K35NguNgâ	24.7.2 94	24	120
	.101yễn n	01.	0.0	0.00
	.063Thị	91	00	0
	Ki			
	m			
31	K35NguNgọ	21.7.6790	24	120
	.101yễn c	08.	0.0	0.00
	.065Thị	91	00	0
	Bíc			
	h			
32	K35Mai Đa	08.7.8382	24	120
	.101La	01.	0.0	0.00
	.022	89	00	0
33	K35Phạ Đạt	18.7.4792	24	120
	.101m T	03.	0.0	0.00
	.023iễn	91	00	0
34	K35Đỗ Nhâ	27.7.9382	24	120
	.101Hữun	10.	0.0	0.00

	.070	91	00 0
35	K35 Lê Phư	04. 8.1782 30 150	
	.101 Văn ơng	02. 0.0 0.00	
	.082	91 00 0	
36	K35 Ngu Phư	26. 8.2 10 30 150	
	.101 yễn ơng	09. 0 0.0 0.00	
	.084 Hoà	91 00 0	
	ng		
37	K35 Lê Thậ	01. 7.3382 24 120	
	.101 Phư t	12. 0.0 0.00	
	.099 ớc	92 00 0	
38	K35 Ngu Thậ	30. 7.5792 24 120	
	.101 yễn ch	10. 0.0 0.00	
	.101 Phú	91 00 0	
39	K35 Ngu Thậ	09. 7.0382 24 120	
	.101 yễn nh	08. 0.0 0.00	
	.102 Min	91 00 0	
	h		
40	K35 Hồ Thậ	02. 8.5391 30 150	
	.101 Vĩn nh	03. 0.0 0.00	
	.103 h	91 00 0	
41	K35 Phạ Thậ	20. 7.0790 24 120	
	.101 m nh	04. 0.0 0.00	
	.105 Chí	91 00 0	
42	K35 Lê Tra	15. 7.4 90 24 120	
	.101 Thù ng	05. 0.0 0.00	
	.115 y	91 00 0	
43	K35 Ngu Tru	02. 8.0793 30 150	
	.101 yễn ng	03. 0.0 0.00	
	.117 Chí	87 00 0	
44	K34 Đin Dư	26. 8.6210 30 150	
	.101 h ơng	07. 0 0.0 0.00	
	.016 Văn	90 00 0	
45	K34 Võ Địn	29. 8.3183 30 150	
	.101 Hữuh	08. 0.0 0.00	
	.017	90 00 0	
46	K34 Dư Huy	14. 8.3889 30 150	
	.101 ơng ền	11. 0.0 0.00	
	.029 Tha	90 00 0	
	nh		
47	K34 Đoà Lá	14. 8.3883 30 150	
	.101 n N m	04. 0.0 0.00	
	.040 hật	90 00 0	
48	K34 Ngu Loa	24. 8.9 88 30 150	
	.101 yễn n	03. 0.0 0.00	
	.046 Gia	90 00 0	
	ng		
	Tuy		
	ết		
49	K34 Võ Qua	13. 8.9790 30 150	

	.101	Vănng	08.		0.0	0.00
	.072	Vin	90		00	0
		h				
50	K34	Phạ Quâ	12. 8.4891	30	150	
	.101	m n	08.		0.0	0.00
	.073	Phú	89		00	0
		Min				
		h				
51	K34	Văn Quy	10. 8.4183	30	150	
	.101	Ngôên	11.		0.0	0.00
	.074	c T	90		00	0
		hảo				
52	K34	Phạ Quí	24. 8.5510	30	150	
	.101	m	05.	0	0.0	0.00
	.075	Võ	90		00	0
		Tha				
		nh				
53	K34	Đin Thi	27. 8.6291	30	150	
	.101	h	03.		0.0	0.00
	.085	Anh	90		00	0
54	K34	Phạ Trí	19. 8.6987	30	150	
	.101	m	01.		0.0	0.00
	.098	Văn	90		00	0
55	K34	Trà Vy	02. 8.7691	30	150	
	.101	n H	10.		0.0	0.00
	.109	anh	90		00	0
		Tườ				
		ng				
56	K34	Đặn Thâ	07. 8.5583	30	150	
	.101	g o	09.		0.0	0.00
	.080	Thị	90		00	0
57	K34	Trư Uyê	12. 8.3183	30	150	
	.101	ơng n	08.		0.0	0.00
	.102	Dư	90		00	0
		ơng				
		Diễn				
		m				